TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/DS-ST
Ngày: 12/11/2019
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Tuất.
Ông Nguyễn Huy Giáp.
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2019/TLST-DS ngày 25/02/2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-DS ngày 08/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 271/2019/QĐST-KDTM ngày 24/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S.
Trụ sở: Số 77 Trần Hưng Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.
Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Tổng giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền: Anh Phan Hoàng T – Chuyên viên xử lý nợ - SHB Chi nhánh Đồng Nai (văn bản ủy quyền số 20/UQ/SHB-GD ngày 15/01/2019).

- Bị đơn: Anh Đinh Trần P, sinh năm: 1980, chị Nguyễn Thị P, sinh năm: 1982.
HKTT: Ấp A, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
Chị P ủy quyền cho anh Đinh Trần P (văn bản ủy quyền ngày 17/5/2019).
(nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phan Hoàng T trình bày:
Ngân hàng S và anh Đinh Trần P, chị Nguyễn Thị P đã ký hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 280/2016/HĐTDTDH-CN/SHB.130403 ngày 14/12/2016 và khế

ước nhận nợ số 01 – 280/2016/HDTDTDH/SHB.130403 ngày 14/12/2016 có nội dung như sau: Ngân hàng cho anh P, chị P vay số tiền 550.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng (kể từ ngày 15/12/2016), mục đích vay bổ sung vốn mua xe ô tô tải, lãi suất cho vay áp dụng 11,2%, áp dụng trong 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần theo nguyên tắc bằng lãi suất huy động tiền gửi VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi sau cao nhất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 4%/năm.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: 01 chiếc xe ô tô tải có mui 03 chỗ hiệu WEAM, số loại HD800, màu xanh, biển số 60C–324.17, số khung B170GML04395 có giấy chứng nhận đăng ký xe cấp cho ông Đinh Trần P theo hợp đồng thế chấp tài sản số 280/2016/HĐTC-CN/SHB.130403 ngày 14/12/2016, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/12/2016 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Quá trình vay, anh P chị P thường xuyên vi phạm nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 02/01/2019 đã thanh toán được 167.978.874 đồng (trong đó, gốc 100.833.326 đồng, trả lãi trong hạn 60.491.417 đồng, trả phí 6.654.131 đồng).

Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh P, chị P phải thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 11/11/2019 là: 568.819.741 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 449.166.674 đồng.

Nợ lãi trong hạn: 108.926.172 đồng

Lãi phạt chậm trả gốc là: 10.726.895 đồng.

Và lãi phát sinh kể từ ngày 12/11/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

Đối với phần lãi suất anh P chưa thống nhất nhưng yêu cầu về lãi của Ngân hàng là đúng quy định, vì anh P vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ cuối năm 2017 nên tính lãi trong hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng; đối với phần lãi phạt chậm trả gốc trong hợp đồng tín dụng không có nêu, tuy nhiên phần lãi này tính theo công thức bằng 50% lãi suất trong hạn là có lợi cho khách hàng vay; đồng thời do lỗi hệ thống máy tính của Ngân hàng nên theo bảng tính lãi Ngân hàng cung cấp thì phần lãi quá hạn vượt quá mức quy định 150%, nên Ngân hàng chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lãi phạt chậm trả gốc là có cơ sở.

Trường hợp anh P, chị P không thanh toán được số nợ trên thì tài sản thế chấp đề nghị xử lý để đảm bảo thi hành án theo quy định.

- Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 08/10/2019, bị đơn anh Trần Đình Phúc (và đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị P) trình bày:

Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đúng như trình bày của Ngân hàng, quá trình vay anh có chậm trả cho ngân hàng, nay đồng ý trả nợ cho ngân hàng, tuy nhiên về tiền lãi anh yêu cầu Ngân hàng trình bày chi tiết hàng tháng anh đã thanh toán được bao nhiêu, vì anh đã thanh toán được 167.978.874 đồng (gốc 100.833.326 đồng, trả lãi trong hạn 60.491.417 đồng, trả phí 6.654.131 đồng) nhưng đến ngày 07/10/2019 vẫn còn nợ tới số tiền 562.204.566 đồng (nợ gốc là 449.166.674 đồng, nợ lãi trong hạn là 103.559.552 đồng, lãi phạt chậm trả gốc là 9.478.340 đồng) là đúng về phần nợ gốc, còn về nợ lãi anh đề nghị ngân hàng giải trình cụ thể và anh sẽ có ý kiến cụ thể sau.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện của Ngân hàng là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận. Về án phí: Anh P, chị P phải nộp án phí theo quy định; hoàn trả tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, hợp đồng tín dụng số 280/2016/HĐTDTDH-CN/SHB.130403 ngày 14/12/2016 và khế ước nhận nợ số 01–280/2016/HDTDTDH/SHB.130403 ngày 14/12/2016 và quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 Theo hợp đồng tín dụng số 280/2016/HĐTDTDH-CN/SHB.130403 ngày 14/12/2016 và khế ước nhận nợ số 01–280/2016/HDTDTDH/SHB.130403 ngày 14/12/2016 ký giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội với anh Đinh Trần P, chị Nguyễn Thị P thể hiện anh P, chị P có vay của Ngân hàng số tiền 550.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng (kể từ ngày 15/12/2016), mục đích vay bổ sung vốn mua xe ô tô tải, lãi suất cho vay áp dụng 11,2%, áp dụng trong 03 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần theo nguyên tắc bằng lãi suất huy động tiền gửi VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi sau cao nhất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ tối thiểu 4%/năm.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng được lập thành văn bản, mục đích và nội dung các thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định của pháp nên theo quy định tại Điều 122, Điều 124 của Bộ luật dân sự năm 2005, Hợp đồng có hiệu lực.

Đồng thời, anh P, chị P và Ngân hàng đã ký hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/phương tiện vận tải số 280/2016/HĐTC-CN/SHB.130403 ngày 14/12/2016 với nội dung thế chấp 01 chiếc xe ô tô tải có mui, 03 chỗ ngồi, trọng

tải 7.940 kg, hiệu VEAM, số loại HD800, màu xanh, biển số 60C–324.17, số khung B170GML04395, số máy D4DBGJ633293 có giấy chứng nhận đăng ký xe cấp cho anh Đinh Trần P và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14/12/2016 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng là đúng theo quy định Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực thi hành.

3.2 Quá trình vay anh P, chị P (anh P thừa nhận) đã không thanh toán tiền đúng hạn cho Ngân hàng, đồng thời anh thống nhất số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 449.166.674 đồng, đối với số tiền lãi anh yêu cầu Ngân hàng trình bày cụ thể và anh sẽ kiểm tra lại việc tính lãi đúng hay không. Tuy nhiên, nhiều lần Tòa án tiến triệu tập nhưng anh P không có mặt và cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ về việc đóng lãi.

Mặc khác, theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ các bên đã thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 1, Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước, khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo Quyết định số 1627/2001/QĐ–NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ–NHNN ngày 03/2/2005. Đối với phần lãi phạt chậm trả gốc: Theo bảng tính lãi Ngân hàng cung cấp thì lãi suất quá hạn cao hơn 150% lãi suất trong hạn, nên Ngân hàng không yêu cầu bị đơn phải trả lãi quá hạn mà điều chỉnh thành yêu cầu trả lãi phạt chậm trả gốc, mặc dù trong hợp đồng không có nêu nhưng theo cách tính bằng 50% lãi suất trong hạn là có lợi cho đương sự nên chấp nhận yêu cầu tính lãi này của Ngân hàng. Đối với yêu cầu của Ngân hàng về lãi phát sinh từ ngày 12/11/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ: Yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng đã ký và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ–HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Theo đó, buộc bị đơn có trách nhiệm trả khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ chưa thanh toán kể từ ngày 12/11/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Như vậy, tính đến hết ngày 12/11/2019, anh P, chị P còn phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 568.819.741 đồng (trong đó, nợ gốc 449.166.674 đồng, nợ lãi trong hạn 108.926.172 đồng, lãi phạt chậm trả gốc là 10.726.895 đồng).

3.3 Tại Hợp đồng thế chấp các bên đã thỏa thuận: Trường hợp bị đơn không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do đó, Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả nợ là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh P, chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 95, Điều 146; Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122, Điều 124, Điều 343, Điều 351, Điều 355 và Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/HĐTP–TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng S về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" với anh Đinh Trần P, chị Nguyễn Thị P.

[2] Anh Đinh Trần P, chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ liên đới (bằng nhau) thanh toán cho Ngân hàng S số tiền nợ tính đến ngày 11/11/2019 là: 568.819.741 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc 449.166.674 đồng,

- Nợ lãi trong hạn 108.926.172 đồng.

- Lãi phạt chậm trả gốc là 10.726.895 đồng.

[3] Kể từ ngày 12/11/2019, anh Đinh Trần P, chị Nguyễn Thị P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số 280/2016/HĐTDTDH-CN/SHB.130403 ngày 14/12/2016 và khế ước nhận nợ số 01–280/2016/HDTDTDH/SHB.130403 ngày 14/12/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

[4] Trường hợp anh Đinh Trần P, chị Nguyễn Thị P không thanh toán số tiền nợ trên thì tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô tải có mui, 03 chỗ ngồi, trọng tải 7.940 kg, hiệu VEAM, số loại HD800, màu xanh, biển số 60C–324.17, số khung B170GML04395, số máy D4DBGJ633293 có giấy chứng nhận đăng ký xe cấp cho anh Đinh Trần P theo hợp đồng thế chấp số 280/2016/HĐTC-CN/SHB.130403 ngày 14/12/2016 được đảm bảo thi hành án theo quy định.

[5] Về án phí: Anh Đinh Trần P, chị Nguyễn Thị P mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm là 13.376.400 đồng.

Ngân hàng S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí 12.288.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 001339 ngày 18/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương